TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-10-2018
V/v: Ly hôn giữa chị A và anh Th

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện
2. Ông Nguyễn Văn Kiệt

Thư ký phiên toà: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Quỳnh Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Mai A, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: đường T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Thiện Th, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-3-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Mai A trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2015, chị và anh Trần Thiện Th quen biết và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21-4-2015.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình chị A. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do anh Th không lo làm ăn, đi mượn nợ nhiều người không trả trong đó có bạn của chị A, giữa đêm khuya chủ nợ đến đòi nợ gây mất an ninh trật

tự địa phương, cha mẹ chị A cũng đã trả nợ dùm cho anh Th. Chị A đã nhiều lần bỏ qua lỗi lầm của anh Th để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Th vẫn chứng nào tật nấy, không sửa đổi. Đến ngày 25-02-2018 anh Th đã bỏ nhà ra đi không nói cho chị A biết là đi đâu, chị A không liên lạc điện thoại được nhưng anh Th lại nói cho gia đình anh Th biết việc anh Th bỏ nhà đi PQ và chỉ liên lạc điện thoại với mẹ chồng chị A. Ngoài ra, trong thời gian sống chung với gia đình chị A, anh Th đã có thái độ không tôn trọng cha mẹ chị A, vì con, chị A đã cố gắng chịu đựng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị A đã mất lòng tin đối với anh Th và không còn tình cảm với anh Th, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị A và anh Th đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Thời gian chung sống chị A và anh Th có 01 con chung tên Trần Khả D, sinh ngày 18-3-2017, hiện nay chị A đang nuôi dưỡng, anh chị không có tài sản chung và không vay nợ của ai.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A xin được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị A yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Khả D, sinh ngày 18-3-2017, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Thiện Th trình bày:

Anh Th thống nhất với lời trình bày của chị A về quan hệ hôn nhân, thời gian ly thân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có là đúng.

Còn về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh là do anh đi làm lương thấp không đủ chi tiêu hàng ngày nên phải mượn nợ để tiêu xài cá nhân từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn luôn giận hờn, cãi vã nhau. Do không có tiền trả nợ nên anh đã bỏ đi làm ăn xa để lấy tiền trả nợ, chứ không phải bỏ vợ bỏ con, tuy lúc đi không nói gì với vợ và gia đình vợ, anh có liên lạc với gia đình và mẹ của anh. Trong thời gian sống chung với gia đình vợ anh vẫn tôn trọng cha mẹ vợ.

Nay chị A xin ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ thương con, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh hứa sẽ khắc phục sửa chữa những lỗi lầm đã gây ra.

Về con chung: Nếu Toà án giải quyết cho chị Mai A và anh ly hôn thì anh đồng ý giao con chung tên Trần Khả D, sinh ngày 18-3-2017 cho chị A nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Th vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Phan Mai A đối với anh Trần Thiện Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 15-3-2018 chị Phan Mai A có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Thiện Th. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn anh Trần Thiện Th không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Mai A và anh Trần Thiện Th chung sống với nhau vào năm 2015 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21-4-2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Mai A:* Vợ chồng chị Phan Mai A và anh Trần Thiện Th không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nữa thể hiện qua lời trình bày của chị A và anh Th tại Tòa án: Chị A và anh Th có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do anh Th không lo làm ăn, đi mượn nợ nhiều người không trả trong đó có bạn của chị A làm mất uy tín của chị A đối với bạn và gia đình, chị A đã nhiều lần tạo cơ hội cho anh Th sửa chữa lỗi lầm để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Bên cạnh đó, anh Th đã bỏ nhà ra đi không cho chị A biết là đi đâu và cũng không liên lạc điện thoại với chị A nhưng lại liên lạc điện thoại với mẹ ruột và từ khi bỏ nhà ra đi đến nay cũng không đến thăm nom con chung, đã thể hiện sự vô trách nhiệm của một người chồng, một người cha. Mặt khác, theo trình bày của chị A thì hiện nay chị đã mất niềm tin và không còn tình cảm đối với anh Th nữa, chị A và anh Th đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Toà án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị A xin ly hôn với anh Th là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về nuôi con chung:* Chị A và anh Th có 01 người con chung tên Trần Khả D, sinh ngày 18-3-2017, hiện nay chị A đang nuôi dưỡng. Chị A yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con vì chị có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế nuôi con được, anh Th cũng đồng ý giao con cho chị A nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị A được tiếp tục nuôi con chung Trần Khả D. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị A và anh Th đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị A là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Mai A và anh Trần Thiện Th.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Khả D, sinh ngày 18-3-2017 cho chị Phan Mai A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Mai A và anh Trần Thiện Th đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Mai A phải nộp 300.000 đồng nhưng chị A được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003602 ngày 23-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị A không phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

5. Quyền kháng cáo: Chị Phan Mai A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thiện Th vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Tạ Thị Xuân